

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TRƯỜNG THCS BÌNH CHUẨN

Số: 43 /BC-THCSBC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Chuẩn, ngày 05 tháng 10 năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác 3 công khai năm học 2019-2020, tình hình thực hiện công khai đầu năm học 2020-2021 và định hướng quản lý công tác 3 công khai các cơ sở giáo dục năm học 2020-2021

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số 1635/SGDDĐT-KHTC ngày 29/09/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Dương về việc thực hiện báo cáo công tác công khai năm học 2019-2020 và định hướng công tác năm học 2020-2021 theo yêu cầu Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT;

Căn cứ Công văn số 439/PGDDĐT ngày 30/09/2020 của Phòng Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc thực hiện báo cáo công tác công khai năm học 2019-2020 và định hướng công tác năm học 2020-2021 theo yêu cầu Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT,

Trường THCS Bình Chuẩn báo cáo Kết quả thực hiện công tác 3 công khai năm học 2019-2020, tình hình thực hiện công khai đầu năm học 2020-2021 và định hướng quản lý công tác 3 công khai các cơ sở giáo dục năm học 2020-2021 như sau:

Phần thứ nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI NĂM HỌC 2019-2020

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Số lượng lớp, cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV), học sinh (HS) năm học 2019-2020;

* Đội ngũ cán bộ giáo viên, công nhân viên: 138/106 nữ

- CBQL: 03/01 nữ. Nhân viên: 8/6 nữ. Giáo viên: 127/99 nữ

* Năm học 2019-2020 trường có 88 lớp với số học sinh cuối năm 3769. Số học sinh so với đầu năm giảm 110 HS Trong đó:

+ Chuyển đến: 11 trường hợp, chuyển đi: 84 trường hợp

+ Số học sinh bỏ học: 37/3879 hs - tỷ lệ 0.95%,



+ Học sinh lưu ban trong năm học: 28/3769 – Tỷ lệ: 0,74%

2. Tình hình chất lượng đội ngũ: Số lượng, tỷ lệ CBQL, GV có trình độ trên chuẩn, đạt chuẩn, dưới chuẩn.

- CBQL: Trình độ trên chuẩn 3/3 đạt 100%.

- Giáo viên: đạt chuẩn 127/127 đạt 100%, trên chuẩn đạt 93/127 đạt 73,2%

3. Tình hình đầu tư duy tu, sửa chữa, xây mới các trường học năm học 2019-2020 (nhà nước đầu tư, xã hội hoá, tài trợ...)

- Năm học 2019-2020 trường không có đầu tư duy tu, sửa chữa, xây mới.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA TÌNH HÌNH THỰC HIỆN 03 CÔNG KHAI TẠI ĐƠN VỊ NĂM HỌC 2019-2020

Đánh giá, nhận xét chung tình hình thực hiện 03 công khai của các đơn vị trường học (hình thức, nội dung, chất lượng thông tin công khai? Cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu công tác công khai?)

* Hình thức:

- Thực hiện công khai tại bảng thông báo của nhà trường, trang web của đơn vị và trong đại hội phụ huynh học sinh, Hội nghị cán bộ viên chức. Nhận xét đánh giá: Nhà trường có tiến hành thực hiện 3 công khai theo Thông tư 36/2017 của Bộ GDĐT quy định. Nội dung công khai theo mẫu hướng dẫn. Qua đây giúp cho phụ huynh biết được chất lượng giáo dục, tình hình cơ sở vật chất của nhà trường đồng thời góp phần tạo niềm tin trong công tác giáo dục của trường.

* Nội dung công khai:

Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục năm học 2019-2020: Điều kiện về đối tượng tuyển sinh, chương trình giáo dục, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (*Theo mẫu 09- Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT*).

b) Chất lượng giáo dục thực tế: Công khai số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm 2019-2020; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, số học sinh được công nhận tốt nghiệp, có phân biệt theo các khối lớp (*Theo mẫu 10- Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT*).

c) Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia: Kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu và kết quả đánh giá mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được.

d) Kiểm định cơ sở giáo dục: Quyết định thành lập Hội đồng, kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá.

TRƯỜNG
UNIVERSITY
NH
P

Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục:

a) **Cơ sở vật chất:** số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng; số thiết bị dạy học đang sử dụng (Theo mẫu 11- Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT).

b) **Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:**

Số lượng, chức danh và trình độ đào tạo (Theo mẫu 12- Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT).

Công khai thu chi tài chính:

- Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

- Trong năm học 2019-2020, không có đơn thư thắc mắc về nội dung mà trường đã công khai của phụ huynh kể cả đội ngũ giáo viên.

* **Cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu công tác công khai:** Cơ sở vật chất của nhà trường đáp ứng đầy đủ yêu cầu của công tác công khai.

Phần thứ hai

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG KHAI ĐẦU NĂM HỌC 2019-2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG 3 CÔNG KHAI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2020-2021

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG KHAI ĐẦU NĂM HỌC 2020-2021

1. Khái quát tình hình trường học đầu năm học 2020-2021

Toàn trường có 98 lớp, tổng số: 4399 học sinh, nữ: 2121, trong đó:

+ Khối 6: 30 lớp, 1398 hs, nữ: 695 + Khối 7: 27 lớp, 1230 hs, nữ: 573

+ Khối 8: 23 lớp, 1001 hs, nữ: 457 + Khối 9: 18 lớp, 770 hs, nữ: 396

2. Tình hình chất lượng đội ngũ: Số lượng, tỷ lệ CBQL, GV có trình độ trên chuẩn, đạt chuẩn, dưới chuẩn.

- CBQL: Đạt chuẩn 3/3 đạt 100%

- Giáo viên: đạt chuẩn 100/139 đạt 72%, trên chuẩn đạt 2/139 đạt 1,47%

(Trình độ trên chuẩn: Thạc sĩ; Đạt chuẩn: Đại học; Dưới chuẩn: Cao đẳng)

3. Tình hình công khai đầu năm học 2020-2021: Trường đã thực hiện công khai theo các biểu mẫu quy định.

a) **Cam kết chất lượng giáo dục năm học 2020-2021:** Điều kiện về đối tượng tuyển sinh, chương trình giáo dục, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý;

ST
G
S
CH
*

kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Theo mẫu 09- Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT)

b) Chất lượng giáo dục thực tế: Công khai số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm 2019 - 2020; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, số học sinh được công nhận tốt nghiệp, có phân biệt theo các khối lớp (Theo mẫu 10- Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT).

c) Cơ sở vật chất: số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng; số thiết bị dạy học đang sử dụng (Theo mẫu 11- Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT).

d) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên: Số lượng, chức danh và trình độ đào tạo (Theo mẫu 12- Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT).

II. ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG 3 CÔNG KHAI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2020-2021

1. Mục tiêu thực hiện công khai:

- Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

2. Nội dung thực hiện:

2.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a. Cam kết chất lượng giáo dục: Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của nhà trường; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh. (Biểu mẫu 09- Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT).

b. Chất lượng giáo dục thực tế: Số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh dự xét tốt nghiệp, số học sinh được công nhận tốt nghiệp, số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (Biểu mẫu 10- Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT).

2.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng nhà trường:

a. Cơ sở vật chất: Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, số thiết bị dạy học đang sử dụng. (Biểu mẫu 11- Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT).

IG
IQ
UA
10/11

b. *Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:* Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (Biểu mẫu 12- Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT).

2.3. Công khai thu chi tài chính:

- Thực hiện công khai các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ theo hướng dẫn của Sở GD-ĐT.

- Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư 61/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Công khai mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học.

- Công khai các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/l học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

- Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

- Công khai kết quả thanh tra, kiểm toán (nếu có).

3. Định hướng các giải pháp thực hiện:

*** Hình thức và thời điểm công khai:**

3.1. Hình thức:

- Công khai trên website của nhà trường.

- Niêm yết công khai tại nhà trường.

- Công khai trong các cuộc họp hội đồng sư phạm, họp Ban đại diện CMHS, họp PHHS toàn trường.

3.2. Thời điểm công khai:

- Công khai khi kết thúc năm học, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

*** Tổ chức thực hiện và chế độ báo cáo:**

3.3. Trách nhiệm của hiệu trưởng:

- Triển khai kế hoạch Quy chế công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 đến tập thể CBGV, NV và phụ huynh học sinh.

- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường, của các cấp.

- Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.



- Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem.

- Đưa lên website của nhà trường.

3.4. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai:

1	Ông Phan Ánh Duyên	Bí thư Chi bộ- Hiệu trưởng	Trưởng ban
2	Bà Vương Trần Huyền Trân	CTCĐCS - Phó Hiệu trưởng	Phó ban
3	Ông Nguyễn Ngọc Thuận	Phó Hiệu trưởng	Phó ban
4	Bà Nguyễn Thị Mỹ Thẩm	TB Thanh tra ND	Thành viên
5	Bà Lê Thị Thảo Linh	Tổng phụ trách Đội	Thành viên
6	Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Bí thư Chi đoàn	Thành viên
7	Bà Phạm Thị Kim Anh	Kế toán	Thành viên

Trên đây là Báo cáo Kết quả thực hiện công tác 3 công khai năm học 2019-2020, tình hình thực hiện công khai đầu năm học 2020-2021 và định hướng quản lý công tác 3 công khai các cơ sở giáo dục năm học 2020-2021 của trường THCS Bình Chuẩn./.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

PHAN ÁNH DUYÊN

Biểu mẫu 09

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ THUẬN AN
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ BÌNH CHUẨN**

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông
Năm học 2019 - 2020**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ em đúng 11 đến 13 tuổi thuộc địa bàn P. Bình Chuẩn; - Hoàn thành CT bậc Tiểu học - Số lớp: 28 lớp với 1246 học sinh 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận chuyển trường đối với học sinh có nơi ở tại địa bàn Phường Bình Chuẩn. 		
			<ul style="list-style-type: none"> - Số lớp: 24 lớp với 1026 hs 	<ul style="list-style-type: none"> - Số lớp: 19 lớp với 780 hs 	<ul style="list-style-type: none"> - Số lớp: 17 lớp với 717 hs
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo CV 7608/BGDĐT-GDTrH ngày 31/8/2009 ban hành khung chương trình THCS (37 tuần), tài liệu chuẩn KT-KN từng môn học. CV 5842/BGDĐT-VP ngày 1/9/2011 hướng dẫn giảm tải chương trình của Bộ Giáo dục – Đào tạo. 			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà trường và gia đình phối hợp chặt chẽ trong việc quản lí, giáo dục học sinh. Duy trì thường xuyên thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và gia đình qua điện thoại, sổ liên lạc điện tử, các cuộc họp... - Hoạt động của Ban đại diện CMHS đúng văn bản chỉ đạo hiện hành. Ban đại diện CMHS trường, lớp có đủ thành phần, cơ cấu theo quy định. 			
	Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt nội quy, quy định trong Điều lệ trường THPT, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh... 			



		- Tích cực, siêng năng, chuyên cần, nghiêm túc. Phát huy tính chủ động sáng tạo trong học tập, rèn luyện để đạt kết quả cao.			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh được đi tham quan về nguồn kết hợp với học tập dã ngoại ít nhất 1 lần/năm học (tháng 3). - Học sinh được tham gia các phong trào văn nghệ, câu lạc bộ Mỹ thuật, câu lạc bộ thể dục thể thao, rèn luyện thể chất nhằm tăng cường sức khỏe đồng thời phát triển tốt những năng khiếu của bản thân. - Tham gia các hoạt động cộng đồng, từ thiện xã hội để cảm nhận và hoàn thiện tư cách phẩm chất. 			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<ul style="list-style-type: none"> - Về năng lực, phẩm chất: Phần đầu cuối năm đạt 98% từ khá trở lên, không có học sinh xếp loại yếu về hạnh kiểm. Biết thông cảm, chia sẻ giúp đỡ các bạn có hoàn cảnh khó khăn, trên kính dưới nhường. Không nói tục trong và ngoài trường. Ngoan ngoãn vâng lời cha mẹ và thầy cô. - Sức khỏe: 99 % học sinh có sức khỏe tốt. Giáo dục học sinh bảo vệ sức khỏe răng miệng, mắt, vệ sinh phòng chống dịch bệnh 			
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	99,28% đạt từ TB trở lên	99,22 % đạt từ TB trở lên	99,36% đạt từ TB trở lên	99,16 % đạt từ TB trở lên

Bình Chuẩn, ngày 05 tháng 10 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị



Phan Ánh Duyên



Biểu mẫu 10

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ THUẬN AN
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ BÌNH CHUẨN**

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông năm học 2019 - 2020

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	3769	1246	1026	780	717
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	3101 (82,28)	1095 (87,88)	907 (88,40)	694 (88,97)	405 (56,49)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	668 (17,72)	151 (12,12)	119 (11,6)	86 (11,03)	312 (43,51)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	3769	1246	1026	780	717
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	856 (22,71)	344 (27,61)	234 (22,81)	189 (24,23)	89 (12,41)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	1128 (29,93)	412 (33,07)	330 (32,16)	267 (34,23)	119 (16,60)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	1757 (46,62)	481 (38,60)	454 (44,25)	319 (40,90)	503 (70,15)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	22 (0,58)	5 (0,4)	7 (0,68)	5 (0,64)	5 (0,70)
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	6 (0,16)	4 (0,32)	1 (0,10)	0	1 (0,14)
III	Tổng hợp kết quả cuối năm học					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)					
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	856 (22,71)	344 (27,61)	234 (22,81)	189 (24,23)	89 (12,41)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	1111 (29,47)	402 (32,26)	326 (31,77)	267 (34,23)	116 (16,17)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	253 (6,71)	108 (8,66)	74 (7,21)	71 (9,10)	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	28 (0,74)	9 (0,72)	8 (0,77)	5 (0,64)	6 (0,83)



4	Chuyên trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	11/84 (0,29/2,2)	2/35 (0,16/2,8)	5/24 (0,48/2,3)	3/15 (0,38/1,9)	1/10 (0,1/1,3)
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	37 (0,98%)	10 (0,80)	10 (0,97)	8 (1,02)	9 (1,25)
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp Huyện/Thị	6			4	2
2	Cấp tỉnh/thành phố	4	0	0	0	4
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					717
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					711
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					89
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					119
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					503
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1962/1807	665/581	554/472	383/397	360/357
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	80	35	21	11	13

Bình Chuẩn, ngày 05 tháng 10 năm 2020

Chủ trường đơn vị



Phan Anh Duyên

Biểu mẫu 11

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ THUẬN AN
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ BÌNH CHUÂN**

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2019-2020

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	36	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	36	-
2	Phòng học bán kiên cố	02	-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	8	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		-
7	Bình quân lớp/phòng học	2	-
8	Bình quân học sinh/lớp	44	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	6765	2.33
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	4059	1.4
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	2440.6	0.84
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	561.4	0.19
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	72.6	0.02
3	Diện tích thư viện (m ²)	105	0.03
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng khác (Công đoàn, Đội, Truyền thống)(m ²)	112	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	16	
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	4	
1.2	Khối lớp 7	4	
1.3	Khối lớp 8	4	
1.4	Khối lớp 9	4	



2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	3	
2.2	Khối lớp 7	2	
2.3	Khối lớp 8	2	
2.4	Khối lớp 9	2	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)		
4		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	128	

IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	2	
2	Cát xét	6	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	5	
5	Bảng tương tác thông minh	2	
6	Thiết bị khác		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4		8/8		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Bình Chuẩn, ngày 05 tháng 10 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị



Phan Anh Duyên

Biểu mẫu 12

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ THUẬN AN
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ BÌNH CHUÂN****THÔNG BÁO**

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông năm học 2019-2020

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TCCN	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	138		2	96	35	1	4								
I	Giáo viên	127		2	91	34			53	74		30	97			
	Trong đó số giáo viên dạy môn:															
1	Toán	21		1	10	10			10	11		5	16			
2	Lý	7			3	4			4	3			7			
3	Hóa	6			4	2			2	4		2	4			
4	Sinh	10			7	3			5	5		2	8			
5	KTNN, KTCN	4			1	3			4				4			
6	Tiếng Anh	14			11	3			5	9		7	7			
7	Văn	23		1	20	2			6	17		5	18			
8	Sử	8			8				2	6		2	6			
9	Địa	7			6	1			2	5		2	5			
10	GDCD	6			6				3	3		2	4			
11	Thể dục	10			7	3			6	4			10			
12	Nhạc	2			2				1	1		1	1			
13	Mỹ thuật	4			3	1			1	3		1	3			
14	Tin học	5			3	2			2	3		1	4			
II	Cán bộ quản lý	3			3					3		3				
1	Hiệu trưởng	1			1					1		1				
2	Phó hiệu trưởng	2			2					2		2				
III	Nhân viên	8			2	1	1	4								
1	Nhân viên văn thư	1						1								
2	Nhân viên kế toán															
3	Thủ quỹ															
4	Nhân viên y tế	1					1									
5	Nhân viên thư viện	1				1			1							
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1					1						
7	Nhân viên hỗ trợ người khuyết tật	0														
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0														



9	Nhân viên bảo vệ	1						1						
10	Nhân viên Phục vụ	2						2						
11	Tổng phụ trách Đội	1			1				1					
12	Nhân viên phòng NN													

Bình Chuẩn, ngày 05 tháng 10 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị



Phan Anh Duyên

